TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST
Ngày 24/6/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG -TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lâm Tấn Đạt**.

2- Ông **Lê Thanh Nhã**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Út Sang**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 56/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1947 vàvà bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1952.

(Ông Q ủy quyền chovà bà Nguyễn Thị D tham gia giải quyết vụ án theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2019, bà D có mặt)

Bị đơn: Vợ chồng chị Trần Thị Kiều D, sinh năm 1993 và anh Trần Văn B, sinh năm 1971 *(Cả hai đều vắng mặt).*

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2019 của ông Nguyễn Văn Q,và bà Nguyễn Thị D và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án của bà Nguyễn Thị D trình bày và yêu cầu như sau:

Trong năm 2018, vợ chồng ông Q, bà D có cho vợ chồng chị D, anh B mượn tiền là 03 lần, vào ngày 01 tháng 10 năm 2018 cho mượn 02 lần với số tiền là 28.000.000đ, số tiền này hẹn đến ngày 10/11/2018 sẽ trả và lần hai vào ngày 21 tháng 11 năm 2018 âm lịch cho mượn số tiền là 15.000.000đ. Tổng cộng 03 lần cho vay với số tiền là 43.000.000đ. Khi vay thì có làm biên nhận nợ dochị Trần Thị Kiều D ký.

Sau khi vợ chồng ông bà có nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị D, anh B thanh toán nhưng vợ chồng chị D, anh B không trả nên vợ chồng ông bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh B, chị D trả số tiền vay là 43.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 23/5/2019và bà Nguyễn Thị D xin thay đổi nội dung khởi kiện như sau: Bà xác định việc cho mượn tiền chỉ có chị D trực tiếp giao dịch, nhận tiền và bà cũng không xác định được việc chị D nhận tiền về sử dụng vào đích gì. Vì vậy, vợ chồng bà chỉ yêu cầu chị D có trách nhiệm trả số tiền nợ này, không yêu cầu anh B cùng có trách nhiệm trả.

Đối với bị đơn vợ chồngchị Trần Thị Kiều D và anh Trần văn B từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có chị D đến tham gia hòa giải lần thứ nhất và có ý kiến là đồng ý trả cho ông Q, bà D số tiền nợ 43.000.000đ, thời gian trả như sau: Vào ngày 09/6/2019 trả 3.000.000đ, số tiền 40.000.000đ còn lại vào ngày 09 hàng tháng tiếp theo trả mỗi tháng là 2.000.000đ đến khi thanh toán nợ xong; còn anh B vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông Q, bà D.

Tại phiên tòa hôm nay,và bà Nguyễn Thị D vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộcchị Trần Thị Kiều D phải có trách nhiệm trả số tiền nợ là 43.000.000đ cho vợ chồng bà, không yêu cầu anh B phải cùng có trách nhiệm trả số tiền này.

Bị đơn vợ chồngchị Trần Thị Kiều D, anh Trần văn B vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà D đối với anh B, chị D thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản, các giao dịch này thực hiện từ năm 2018 nên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn chị Trần Thị Kiều D, anh Trần văn B được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơnchị Trần Thị Kiều D, anh Trần văn B.

[4] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện thì ông Q, bà D yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng chị D, anh B có trách nhiệm trả số tiền nợ đã mượn là 43.000.000đ, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà D thay đổi ý kiến chị yêu cầu chị D có trách nhiệm trả số tiền này, không yêu cầu anh B phải cùng có trách nhiệm trả nợ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như các biên nhận mượn tiền ngày 01/10/2018 âm lịch, ngày 21/11/2018 âm lịch và lời thừa nhận củachị Trần Thị Kiều D trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định trong năm 2018 chị D có hỏi mượn của ông Q, bà D số tiền tổng cộng là 43.000.000đ đến nay chưa trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị D và bà D thống nhất xác định số tiền nợ nêu trên và thỏa thuận thời gian trả là vào ngày 09/6/2019 trả 3.000.000đ, số tiền 40.000.000đ còn lại vào ngày 09 hàng tháng tiếp theo trả mỗi tháng là 2.000.000đ đến khi thanh toán nợ xong nhưng việc thỏa thuận này không có mặt của anh B và Tòa án tiền hành mời nhiều lần nhưng anh B không đến tham gia giải quyết vụ án nên Tòa án không thể công nhận sự thỏa thuận này và cho đến thời điểm này thì anh B, chị D cũng không có trả thêm số tiền nào cho bà D, ông Q.

Từ những chúng cứ và nhận định nêu trên, qua trao đổi thảo luận HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Trần Thị Kiều D trả số tiền nợ 43.000.000đ là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về trách nhiệm trả nợ: Xét thấy, trong các mượn tiền thì chỉ có chị D trực tiếp thực hiện giao dịch và nhận tiền, bà D cũng không biết là chị D sử dụng số tiền trên vào mục đích gì do không có căn cứ xác định được anh B là chồng của chị D biết được việc này hay không cũng như có cùng sử dụng số tiền mượn này không nên không có căn cứ để xem xét buộc anh B cùng có trách nhiệm với chị D trả số tiền này cho bà D, ông Q.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòavà bà Nguyễn Thị D xác định chỉ yêu cầuchị Trần Thị Kiều D có trách nhiệm trả số tiền nợ 43.000.000đ mà không yêu cầu anh B chồng chị D cùng có trách nhiệm trả nên HĐXX ghi nhận, không đề cập xem xét trách nhiệm trả nợ của anh B trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Trần Thị Kiều D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Số tiền án phí chị D phải chịu là 43.000.000đ x 5% = 2.150.000đ (Hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng)

Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.075.000đ (Một triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000832 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 26, 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q,và bà Nguyễn Thị D đối vớichị Trần Thị Kiều D về việc vay tài sản.

2. Buộc chị Trần Thị Kiều D trả cho ông Nguyễn Văn Q,và bà Nguyễn Thị D số tiền vay còn nợ là 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộcchị Trần Thị Kiều D phải chịu tiền án phí là: 43.000.000đ x 5% = 2.150.000đ (Hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng), buộcchị Trần Thị Kiều D phải chịu toàn bộ số tiền án phí này.

Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.075.000đ (Một triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000832 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/6/2019). Đối với bị đơnchị Trần Thị Kiều D, anh Trần văn B vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh